

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
BẠCH ĐẰNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đăng (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Huy Hoàn	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông Phạm Tiến Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn An	Ủy viên
Ông Tô Văn Huệ	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Tiến Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Tô Văn Huệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Quang Bôn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 1/10/2012)
Ông Lê Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 1/10/2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tiến Hưng
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 04 năm 2013

3254
D
H
NH
KI
E
N
V
A

Số: 195 /VACO.BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 01/04/2013 của Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng (gọi tắt là "Tổng Công ty") từ trang 05 đến trang 28. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2011 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, trong đó báo cáo kiểm toán đề ngày 20/04/2012 đưa ra ý kiến ngoại trừ.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận công nợ phải thu khách hàng; trả trước cho người bán; phải thu nội bộ ngắn hạn; phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng; các khoản phải thu khác; phải trả người bán; người mua trả tiền trước; các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác; phải trả dài hạn khác tại ngày 01/01/2012 và ngày 31/12/2012. Các thủ tục kiểm toán thay thế đã được thực hiện nhưng chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để xác nhận các số dư nêu trên. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu, đầy đủ cũng như giá trị của các khoản mục này, cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

1856
G T
M H
T O
C
TP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Không thống nhất trong xử lý kế toán

Trong năm, Tổng Công ty ghi giảm doanh thu và giá vốn tương ứng của phần hạng mục “Xử lý nền kho than 377m” và hạng mục FGD của Công trình nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng với số tiền lần lượt là 38.000.000.000 VND và 36.100.000.000 VND. Giá trị ghi giảm doanh thu và giá vốn này phát sinh trong năm 2011 do Tổng Công ty xác định trên cơ sở phiếu thanh toán khối lượng được Tổng thầu (Tổng Công ty Lắp máy Lilama) ký duyệt và hóa đơn giá trị gia tăng phát hành. Việc ghi nhận như hiện tại của Tổng Công ty là chưa phù hợp theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót” yêu cầu “Doanh nghiệp phải điều chỉnh hồi tố những sai sót trọng yếu liên quan đến các kỳ trước vào báo cáo tài chính phát hành ngay sau thời điểm phát hiện ra sai sót”. Theo đó, khoản mục doanh thu từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ; giá vốn hàng bán; phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang bị ghi tăng số tiền lần lượt là 38.000.000.000 VND; 36.100.000.000 VND; 38.000.000.000 VND và 1.900.000.000 VND.

Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 03/2010/HTDT/BACHDANG-HAILONG ngày 15/01/2010 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xây lắp Hải Long, hai bên nhất trí hợp tác đầu tư dự án xây dựng 02 chung cư cao tầng và công trình dịch vụ tại số 97 Bạch Đằng, Hồng Bàng, Hải Phòng để bán theo cơ chế kinh doanh. Tổng Công ty góp vốn vào hợp đồng này bằng giá trị đã đầu tư vào công trình này (trước đây Tổng Công ty là chủ đầu tư) và tiền mặt; và được hưởng kết quả hợp tác kinh doanh bằng diện tích sàn theo thỏa thuận trong Hợp đồng Hợp tác kinh doanh. Tại ngày 31/12/2012, Tổng Công ty đang ghi nhận giá trị đã đầu tư vào dự án này trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” với số tiền là 15.861.920.091 VND, thay vì phản ánh vào khoản mục “Các khoản đầu tư dài hạn khác” và do đó, trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, số dư khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” đang bị ghi nhận cao hơn một khoản là 15.861.920.091 VND và số dư khoản mục “Các khoản đầu tư dài hạn khác” đang bị ghi nhận thiếu một khoản tương ứng.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán và không thống nhất trong phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính như sau

Đến ngày 31/12/2012, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản vốn góp bằng thương hiệu vào các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty trên nguồn vốn chủ sở hữu với tổng giá trị là 25,2 tỷ đồng. Giá trị vốn góp này do Tổng Công ty và các đơn vị nhận vốn góp xác định.

Tại ngày 31/12/2012, Tổng Công ty đang ghi nhận giá trị khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty Lắp máy Lilama giá trị hạng mục “Xử lý nền kho than 377m” và hạng mục FGD của Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng với số tiền là 132.000.000.000 VND. Đây là giá trị khối lượng phát sinh thêm do bổ sung thiết kế Tổng Công ty đã ghi nhận trên cơ sở phiếu thanh toán khối lượng được Tổng thầu (Tổng Công ty Lắp máy Lilama) ký duyệt và hóa đơn giá trị gia tăng phát hành. Dự toán các hạng mục này đã được Viện năng lượng (Bộ Công thương) và Viện kinh tế (Bộ Xây dựng) thẩm định, được Tổng thầu và Chủ đầu tư chấp thuận với giá trị 452 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Tổng Công ty chưa ký phụ lục hợp đồng giá trị phát sinh thêm song đã được Chủ đầu tư chấp thuận cho thanh toán 85% giá trị khối lượng hoàn thành theo dự toán thẩm định.

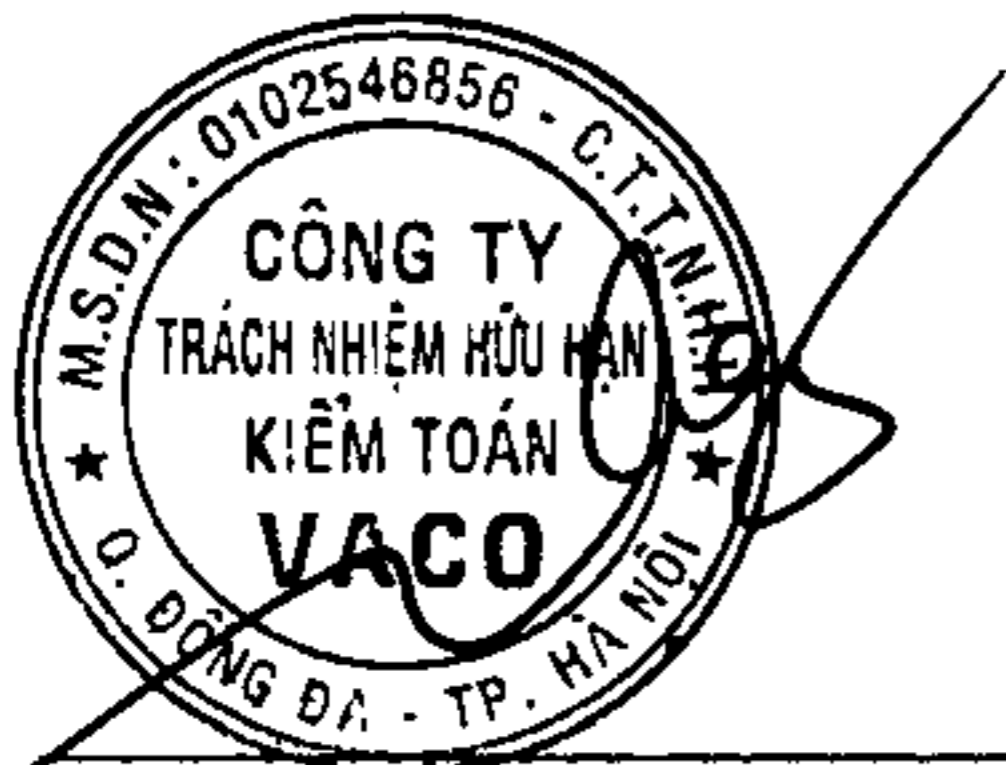
Tổng Công ty tính chi phí tiền lương theo đơn giá tiền lương Tổng Công ty đã gửi cho Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị (là chủ sở hữu của Tổng Công ty đến hết ngày 30/09/2012) tại Công văn số 48/BDCC-TCLĐ về việc báo cáo tình hình sử dụng lao động và đơn giá tiền lương năm 2012 ngày 14/08/2012 và theo Quyết định số 31/QĐ-HĐTV ngày 14/08/2012 của Hội đồng thành viên về việc duyệt đơn giá tiền lương của Công ty mẹ - Tổng Công ty năm 2012. Đơn giá tiền lương làm cơ sở trích chi phí tiền lương và chi phí sản xuất cũng như phê duyệt quỹ tiền lương cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 chưa được chủ sở hữu của Tổng Công ty thông qua. Theo đó, chi phí tiền lương cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 có thể thay đổi tùy theo quyết định của chủ sở hữu.

C.T. J.
HẠN
HAI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính như sau (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm số liệu báo cáo tài chính của Trường Trung cấp nghiệp vụ Hải Phòng (đơn vị thành viên của Tổng Công ty).



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2013

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0917/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		955.770.649.515	836.947.698.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	200.457.280.792	186.828.133.297
1. Tiền	111		35.261.518.614	158.599.793.297
2. Các khoản tương đương tiền	112		165.195.762.178	28.228.340.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		459.303.627.780	446.701.177.184
1. Phải thu khách hàng	131	5	125.715.435.520	143.481.987.971
2. Trả trước cho người bán	132	6	135.959.989.327	76.043.207.059
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	28.804.592.853	25.403.176.070
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134	8	143.578.283.911	181.388.537.390
5. Các khoản phải thu khác	135	9	34.956.236.551	27.416.726.748
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.710.910.382)	(7.032.458.054)
III. Hàng tồn kho	140	10	251.581.614.790	176.271.891.383
1. Hàng tồn kho	141		251.581.614.790	176.271.891.383
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.428.126.153	27.046.496.689
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		820.725.335	2.441.887.209
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.504.119.912	6.112.621.931
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	2.713.176.298	33.663.485
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	32.390.104.608	18.458.324.064
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)	200		139.159.703.220	146.813.704.092
I. Tài sản cố định	220		38.258.858.002	46.850.029.829
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	22.116.364.386	30.503.473.580
- Nguyên giá	222		55.150.971.238	58.918.292.796
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.034.606.852)	(28.414.819.216)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		26.930.000	37.930.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.930.000)	(37.930.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	16.142.493.616	16.346.556.249
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		98.047.340.176	96.958.511.902
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	63.036.542.400	63.036.542.400
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	19.740.020.000	19.740.020.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	17	15.270.777.776	14.181.949.502
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.853.505.042	3.005.162.361
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	2.853.505.042	2.981.162.361
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	24.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.094.930.352.735	983.661.402.645

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	1.002.708.401.072	905.687.602.819
I. Nợ ngắn hạn	310	987.058.233.952	884.972.336.806
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 19	1.693.000.000	1.531.000.000
2. Phải trả người bán	312 20	111.716.395.416	128.663.140.154
3. Người mua trả tiền trước	313 21	768.227.312.940	682.263.201.114
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 22	50.931.932.711	22.442.623.511
5. Phải trả người lao động	315	2.166.565.050	849.185.741
6. Chi phí phải trả	316 23	35.489.246.476	29.965.301.074
7. Phải trả nội bộ	317 24	63.543.967	722.383.391
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 25	16.597.080.759	17.764.520.188
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	173.156.633	770.981.633
II. Nợ dài hạn	330	15.650.167.120	20.715.266.013
1. Phải trả dài hạn khác	333 26	13.476.167.120	16.836.690.931
2. Vay và nợ dài hạn	334 27	2.174.000.000	3.265.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	462.997.170
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	150.577.912
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400	92.221.951.663	77.973.799.826
I. Vốn chủ sở hữu	410 28	91.805.278.447	77.553.992.259
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	70.938.501.766	70.938.501.766
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.120.266.091	1.120.266.091
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	6.637.553.850	2.245.551.018
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	12.934.568.033	3.075.284.677
5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	174.388.707	174.388.707
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	416.673.216	419.807.567
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	416.673.216	419.807.567
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+ 400)	440	1.094.930.352.735	983.661.402.645

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại	1.975,57	1.104,41



Phạm Tiên Hưng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 01 tháng 04 năm 2013

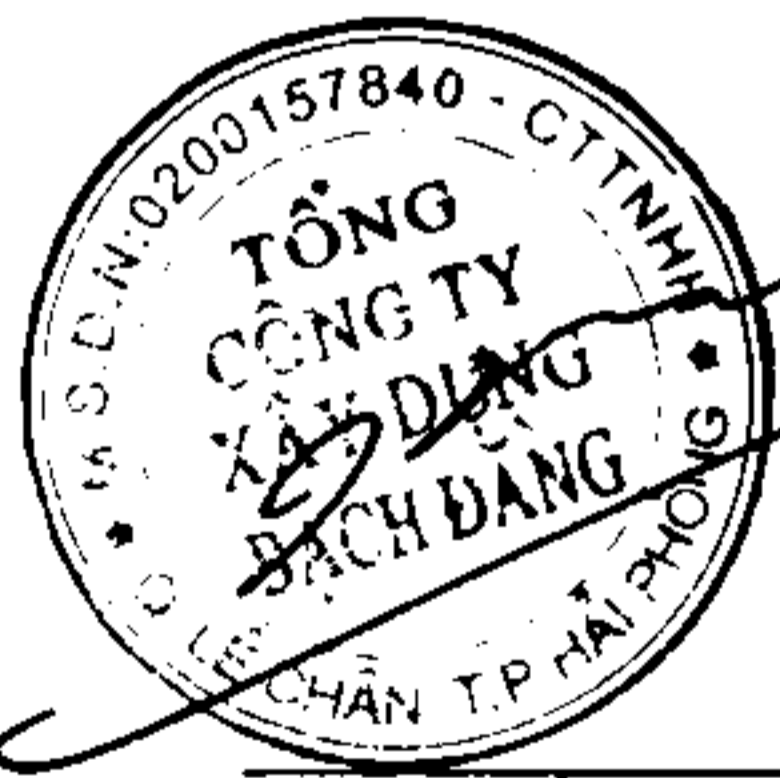
Lương Thị Thủy
Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		848.643.386.583	842.046.165.776
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10	29	848.643.386.583	842.046.165.776
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	819.914.024.874	803.019.218.378
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28.729.361.709	39.026.947.398
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	17.797.563.680	16.942.942.847
7. Chi phí tài chính	22	33	812.015.243	12.461.059.426
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		808.627.538	10.074.102.712
8. Chi phí bán hàng	24		1.194.640.791	813.622.768
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.987.489.857	39.393.268.431
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		12.532.779.498	3.301.939.620
11. Thu nhập khác	31		2.780.536.981	6.489.694.038
12. Chi phí khác	32		1.676.251.159	884.365.772
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.104.285.822	5.605.328.266
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.637.065.320	8.907.267.886
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	1.512.872.688	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.124.192.632	8.907.267.886



Phạm Tiến Hưng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 01 tháng 04 năm 2013

Lương Thị Thủy
Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	98.106.318.908	1.153.786.590.311
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		(879.637.283.540)	(883.584.716.150)
3. Tiền chi trả cho người lao động	2	(24.111.345.071)	(18.348.909.217)
4. Tiền chi trả lãi vay	3	(513.416.983)	(8.380.487.435)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	4		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5	1.812.521.522.787	266.802.193.262
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	6	(952.022.708.134)	(274.353.656.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	54.343.087.967	235.921.013.899
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(442.709.999)	(5.135.477.252)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.000.000	73.934.361
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(323.150.100.000)	(379.140.706.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	275.888.850.000	393.765.840.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.209.304.945	3.085.789.503
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35.489.655.054)	12.649.380.612
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.142.000.000	218.930.011.331
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.366.285.418)	(303.949.648.942)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.224.285.418)	(85.019.637.611)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	13.629.147.495	163.550.756.900
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	186.828.133.297	23.275.946.348
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.430.049
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	200.457.280.792	186.828.133.297



Phạm Tiến Hưng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 01 tháng 04 năm 2013

Lương Thị Thủy
Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hiền
Người lập

CÔNG TY
 XÂY DỰNG
 BẠCH ĐĂNG
 01/04/13

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng được thành lập theo Quyết định số 270/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 03 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 11046 ngày 16/4/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Nay chuyển thành công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 150/HUD-HĐTV ngày 30/6/2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mã số doanh nghiệp: 0200157840 đăng ký lần đầu ngày 01/10/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ tư, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 177.000.000.000 VND.

Chủ sở hữu của Tổng Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị. Theo Quyết định số 921/QĐ-BXD do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký ngày 18/10/2012 về việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Xây dựng Bạch, từ ngày 01/10/2012, chủ sở hữu của Tổng Công ty là Bộ Xây dựng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 494 người.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, buru điện, sân bay bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp); Lắp đặt hệ thống điện (Chi tiết: lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy - báo chống chộm; lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học); Hoàn thiện công trình xây dựng; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn); Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế khảo sát địa chất các công trình xây dựng; khảo sát địa hình các công ty xây dựng; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp); Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài); Giáo dục nghề nghiệp (Chi tiết: Dạy nghề; giáo dục trung cấp chuyên nghiệp); Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ định giá bất động sản; dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản); Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: bán buôn sắt, thép; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Xây dựng công trình công ích: Thi công, lắp đặt đường dây, trạm biến thế; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar); Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu các công trình xây dựng; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn xi măng (bao gồm phụ gia xi măng, clinker); Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Thoát nước và xử lý nước thải; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt máy móc, thiết bị; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất các sản phẩm từ asphalt./.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 268 đường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Tổng Công ty có các đơn vị, xí nghiệp thành viên như sau:

- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng
- Ban Quản lý Dự án Long thọ II
- Xí nghiệp Xây lắp 1 thuộc trường Trung cấp Nghiệp vụ Hải Phòng (giải thể ngày 10/09/2012 theo Quyết định số 32/QĐ-HDTV)
- Trường Trung cấp Nghiệp vụ Hải Phòng
- Sàn Giao dịch Bất động sản Bạch Đằng
- Nhà máy gạch Bạch Đằng
- Trung tâm thí nghiệm và khảo sát Xây dựng Bạch Đằng
- Công ty Xây dựng và Đầu tư Bạch Đằng 6
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Đà Nẵng

Tổng Công ty đang tiến hành các thủ tục để thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), ngày 6 tháng 11 năm 2009 về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Do đó, các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính này vẫn được trình bày theo giá gốc. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên Bảng cân đối kế toán.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.



5468
ING
HIỆM
M T
AC
A -

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.561.836.500	1.805.031.695
Tiền gửi ngân hàng	33.699.682.114	156.794.761.602
Các khoản tương đương tiền (i)	165.195.762.178	28.228.340.000
	200.457.280.792	186.828.133.297

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các đơn vị phụ thuộc	482.607.176	1.328.917.064
Các đơn vị thuộc Tổng Công ty	49.362.828.430	256.214.600
Các đơn vị ngoài Tổng Công ty	75.869.999.914	141.896.856.307
	125.715.435.520	143.481.987.971

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các đơn vị phụ thuộc	-	12.331.359.243
Các đơn vị thuộc Tổng Công ty	115.376.483.907	60.761.802.616
Các đơn vị ngoài Tổng Công ty	20.583.505.420	-
	135.959.989.327	76.043.207.059

7. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty CP Bạch Đằng 4-TP. Hồ Chí Minh	2.903.459.707	3.888.229.123
Công ty CP Bạch Đằng 5-Khu CN Đông Hải, HP	6.001.498.779	4.189.278.928
Công ty CP Bạch Đằng 7-HP	2.605.057.500	59.934.667
Công ty CP Bạch Đằng 8-Hà Nội	-	2.480.227.842
Công ty CP XD 201	3.728.793.667	204.276.731
Công ty CP XD 204	3.555.322.587	3.444.463.386
Công ty CP XD Bạch Đằng 234	7.027.714.291	5.809.908.171
Công ty CP XNK & XD Bạch Đằng	2.982.746.322	5.326.857.222
	28.804.592.853	25.403.176.070

56 -
TY
HUU I
DAN
0
P. 4

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNGSố 268, đường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU THEO TIỀN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công trình Thạch Bàn gói CT4 (*)	11.578.283.911	7.588.537.390
Công trình nhà máy nhiệt điện Vũng Áng (**)	132.000.000.000	173.800.000.000
	143.578.283.911	181.388.537.390

(*) Giá trị tiền bảo hành công trình và số tiền còn phải thanh toán phải thu chủ đầu tư. Hạng mục công trình này đã có nghiệm thu hai bên nhưng Tổng Công ty không hạch toán vào khoản mục phải thu khách hàng do chủ đầu tư chỉ nhận hóa đơn trên số tiền đã ứng trước

(**) Khoản phải thu này đã bao gồm thuế GTGT 10% là khoản phải thu của Tổng Công ty với Tổng Công ty lắp máy Việt Nam do phát sinh thêm khối lượng nhưng hai bên chưa ký phụ lục bổ sung hợp đồng.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các đơn vị phụ thuộc (*)	12.892.263.184	5.458.116.660
Các đơn vị thuộc Tổng Công ty	17.851.908.968	14.717.481.556
Các đơn vị ngoài Tổng Công ty	4.193.864.399	7.241.128.532
	34.938.036.551	27.416.726.748

(i) Khoản phải thu các Ban Quản lý dự án của Tổng Công ty về tiền Tổng Công ty đã tạm ứng cho hoạt động của các Ban này.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.444.637.620	1.215.124.886
Công cụ, dụng cụ	321.680.318	616.122.441
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	247.308.555.618	173.784.884.999
Thành phẩm	506.741.234	655.759.057
Cộng	251.581.614.790	176.271.891.383
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	251.581.614.790	176.271.891.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế TNDN nộp thừa	-	33.663.485
Thuế GTGT nộp thừa	2.713.176.298	-
	<u>2.713.176.298</u>	<u>33.663.485</u>

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	5.272.047.865	4.065.623.096
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn với bên ngoài	27.014.447.227	14.392.700.968
Tài sản thiếu chờ xử lý	103.609.516	-
	<u>32.390.104.608</u>	<u>18.458.324.064</u>

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG

Số 268, đường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân,
thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Mẫu số B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	19.349.578.264	24.497.451.043	13.306.970.617	1.764.292.872	58.918.292.796
Mua sắm mới	220.143.636	191.622.726	762.558.181	374.135.886	1.548.460.429
Tặng khác	49.783.664	295.966.518	18.200.000	124.096.418	488.046.600
Thanh lý nhưng bán	-	(282.156.994)	(18.200.000)	(105.896.418)	(406.253.412)
Giảm khác	(4.976.238.664)	(239.742.855)	-	(181.593.656)	(5.397.575.175)
Tại ngày 31/12/2012	14.643.266.900	24.463.140.438	14.069.528.798	1.975.035.102	55.150.971.238
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	7.692.486.530	15.025.200.931	4.716.643.482	980.488.273	28.414.819.216
Khấu hao trong năm	1.209.626.500	1.573.885.347	1.718.177.325	466.122.111	4.967.811.283
Tặng khác	-	273.687.539	6.066.636	121.150.297	400.904.472
Thanh lý, nhượng bán	-	(261.378.015)	(4.550.004)	(121.150.297)	(387.078.316)
Giảm khác	(49.783.664)	(173.512.069)	-	(138.554.070)	(361.849.803)
Tại ngày 31/12/2012	8.852.329.366	16.437.883.733	6.436.337.439	1.308.056.314	33.034.606.852
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	11.657.091.734	9.472.250.112	8.590.327.135	783.804.599	30.503.473.580
Tại ngày 31/12/2012	5.790.937.534	8.025.256.705	7.633.191.359	666.978.788	22.116.364.386

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNGSố 268, đường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân,
thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	16.346.556.249
Giảm khác	(204.062.633)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>16.142.493.616</u>

Chi tiết số dư tại ngày 31/12/2012:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sửa chữa lớn	-	204.062.633
<i>Sửa chữa trạm Asphalt - Bạch Đằng 6</i>	-	204.062.633
Các công trình	16.142.493.616	16.142.493.616
<i>Dự án khu chung cư 97 Bạch Đằng</i>	15.861.920.091	15.861.920.091
<i>Nhà máy Xi măng Long Thọ II</i>	280.573.525	280.573.525
	<u>16.142.493.616</u>	<u>16.346.556.249</u>

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Công ty Cổ phần XD 201</i>	9.679.420.000	9.679.420.000
<i>Công ty Cổ phần XD 203</i>	7.841.018.400	7.841.018.400
<i>Công ty Cổ phần XD 204</i>	7.070.000.000	7.070.000.000
<i>Công ty Cổ phần XD Bạch Đằng 234</i>	3.566.000.000	3.566.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bạch Đằng 4</i>	5.202.000.000	5.202.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bạch Đằng 5</i>	14.397.400.000	14.397.400.000
<i>Công ty Cổ phần Bạch Đằng 7</i>	3.575.000.000	3.575.000.000
<i>Công ty Cổ phần XNK & XD Bạch Đằng</i>	11.705.704.000	11.705.704.000
	<u>63.036.542.400</u>	<u>63.036.542.400</u>

1025
 CÔNG
 CH N
 KIẾ
 V
 1/0

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNGSố 268, đường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %
Công ty Cổ phần Xây dựng 201 (1)	Hải Phòng	55,31	55,31
Công ty Cổ phần Xây dựng 203 (2)	Hải Phòng	56,00	56,00
Công ty Cổ phần Xây dựng 204 (3)	Hải Phòng	50,50	50,50
Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 (4)	Hải Phòng	50,94	50,94
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 4 (5)	Hồ Chí Minh	51,00	51,00
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 5 (6)	Hải Phòng	53,32	53,32
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 7 (7)	Hải Phòng	51,07	51,07
Công ty Cổ phần XNK & XD Bạch Đằng (8)	Hải Phòng	53,60	53,60

Hoạt động chính của các Công ty con nói trên như sau:

(1), (2), (5): Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, đường dây, trạm biến áp; Trang trí nội ngoại thất; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm; Đầu tư kinh doanh phát triển nhà; tư vấn giám sát công trình; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật;

(3): Xây dựng các công trình, gia công sửa chữa cơ khí, kinh doanh phát triển nhà, vật liệu xây dựng;

(4): Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; Kinh doanh phát triển nhà, vật tư, vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thi công hạ tầng cơ sở; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật;

(6): Xây lắp các công trình công nghiệp, sản xuất, kinh doanh vật liệu, kết cấu thép, các kết cấu xây dựng;

(7): Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, xây dựng công nghiệp, đóng mới, sửa chữa tàu biển, kinh doanh vận tải;

(8): Xuất nhập khẩu, kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng các công trình, xuất khẩu lao động,...

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn ĐTXD Bạch Đằng	2.224.220.000	2.224.220.000
Công ty Cổ phần ĐTXD Bạch Đằng 8	5.668.200.000	5.668.200.000
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10	5.847.600.000	5.847.600.000
Công ty Cổ phần ĐTXD & PT Bạch Đằng 15	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần TV ĐTXD Bạch Đằng Capital	2.000.000.000	2.000.000.000
	19.740.020.000	19.740.020.000

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNGSố 268, đường Trần Nguyễn Hãn, quận Lê Chân,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30/09/2012 như sau:

	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %
Công ty Cổ phần Tư vấn ĐTXD Bạch Đằng (1)	Hà Nội	37,00	37,00
Công ty Cổ phần ĐTXD Bạch Đằng 8 (2)	Hà Nội	36,70	36,70
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 (3)	Hà Nội	29,24	29,24
Công ty Cổ phần ĐTXD &PT Bạch Đằng 15 (4)	Hải Phòng	25,00	25,00
Công ty Cổ phần TV ĐTXD Bạch Đằng Capital (5)	Hà Nội	20,00	20,00

Hoạt động chính của các Công ty liên kết nói trên như sau:

(1): Tư vấn và Thiết kế xây dựng: Lập Dự án, Thẩm định Thiết kế kỹ thuật và Dự toán, Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, Tư vấn giám sát kỹ thuật xây dựng;

(2): Khai thác khoáng sản, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công xây dựng các công trình công nghiệp;

(3): Sản xuất, kinh doanh cơ khí, vật liệu xây dựng, kết cấu thép, tư vấn giám sát xây dựng;

(4): Xây dựng các công trình công nghiệp, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;

(5): Tư vấn và đầu tư, thi công xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, hạ tầng đô thị.

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư cổ phiếu		
Công ty Cổ phần ĐTXD Bạch Đằng 9	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Hải Long	5.565.600.000	5.565.600.000
Công ty Cổ phần ĐTXD Bạch Đằng TMC	2.273.130.000	2.273.130.000
Công ty Cổ phần DT Vạn Lộc	4.432.047.776	3.343.219.502
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 16	2.000.000.000	2.000.000.000
	15.270.777.776	14.181.949.502

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012 VND
Tại ngày 1 tháng 1	2.981.162.361
Tăng	3.447.955.565
Phân bổ vào chi phí trong năm	(3.510.128.084)
Điều chỉnh sang chi phí trả trước ngắn hạn	(65.484.800)
Tại ngày 31 tháng 12	2.853.505.042

S. C.
TY
HỮU H
AN
O
P. P.

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2012 như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.853.505.042	2.981.162.361
	2.853.505.042	2.981.162.361

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn cá nhân	1.693.000.000	1.531.000.000
	1.693.000.000	1.531.000.000

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay cá nhân với thời gian tối đa là 12 tháng, lãi suất thỏa thuận theo từng lần nhận nợ; các khoản vay không có tài sản đảm bảo.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các đơn vị phụ thuộc	-	234.521.077
Các đơn vị thuộc Tổng Công ty	55.629.406.696	71.797.323.582
Các đơn vị ngoài Tổng Công ty	56.086.988.720	56.631.295.495
	111.716.395.416	128.663.140.154

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các đơn vị thuộc Tổng Công ty	1.045.859.984	1.149.859.289
Các đơn vị ngoài Tổng Công ty	767.181.452.956	681.113.341.825
	768.227.312.940	682.263.201.114

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.645.953.036	8.870.267.820
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.484.608.957	-
Thuế thu nhập cá nhân	315.395.552	77.785.594
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
<i>Thuế sử dụng đất dự án Gò Gai</i>	-	2.138.616.000
<i>do diện tích tăng thêm</i>		
<i>Thuế sử dụng đất DA 266 Trần Nguyên Hãn</i>	32.574.140.000	-
<i>Tiền thuê đất</i>	100.000	2.808.000
Tiền phạt thuế	10.737.155.970	11.209.679.783
Các loại thuế khác	174.579.196	143.466.314
	50.931.932.711	22.442.623.511

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước chi phí sản xuất - Chi phí công trình	35.489.246.476	29.965.301.074
Cộng	35.489.246.476	29.965.301.074

24. PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Tư vấn thiết kế Bạch Đằng-Hà Nội	-	6.548.800
Công ty CP XD 203	63.543.967	715.834.591
	63.543.967	722.383.391

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNGSố 268, đường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	242.692.715	98.838.378
Bảo hiểm xã hội	1.306.592.680	911.097.849
Bảo hiểm y tế	191.653.305	153.425.257
Bảo hiểm thất nghiệp	72.320.847	54.556.563
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	14.765.621.212	16.546.602.141
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư xây dựng</i>	<i>838.729.011</i>	<i>1.138.729.011</i>
<i>Vốn Ngân sách NN cấp cho dự án Long Thọ</i>	<i>2.178.811.441</i>	<i>2.178.811.441</i>
<i>Dư có 141</i>	<i>5.818.633.770</i>	<i>723.019.977</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>5.929.446.990</i>	<i>12.506.041.712</i>
Cộng	16.578.880.759	17.764.520.188

26. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng		
Các đơn vị trong Tổng Công ty	12.129.126.701	15.489.650.512
Các đơn vị ngoài Tổng Công ty	1.347.040.419	1.347.040.419
	13.476.167.120	16.836.690.931

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn		
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	1.500.000.000	3.265.000.000
- Vay cá nhân của Trung tâm thí nghiệm vay (i)	674.000.000	-
	2.174.000.000	3.265.000.000

(i) Khoản vay các cá nhân có thời hạn 5 năm, lãi suất thỏa thuận; trả gốc cuối kỳ. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Vốn điều lệ*

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mã số doanh nghiệp: 0200157840 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 177.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2012, vốn chủ sở hữu đã được chủ sở hữu góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư VND	Vốn đã góp	
		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vốn thuộc sở hữu Nhà Nước	177.000.000.000	70.938.501.766	70.938.501.766
Tổng cộng	177.000.000.000	70.938.501.766	70.938.501.766

1025
CÔ
CH NI
KIÊ
V,
G D.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNGSố 268, đường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
+ Doanh thu xây lắp	757.484.976.817	809.858.279.898
+ Doanh thu sản xuất công nghiệp	11.748.574.765	12.393.012.129
+ Doanh thu thí nghiệm tư vấn	16.813.349.546	19.794.873.749
+ Doanh thu chuyển nhượng dự án	62.596.485.455	-
Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	848.643.386.583	842.046.165.776
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	848.643.386.583	842.046.165.776

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
+ Giá vốn xây lắp	739.003.499.992	775.555.064.702
+ Giá vốn sản xuất công nghiệp	10.236.582.804	9.841.008.363
+ Giá vốn thí nghiệm tư vấn	14.128.947.375	17.623.145.313
+ Giá vốn chuyển nhượng dự án	56.544.994.703	-
	819.914.024.874	803.019.218.378

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.034.691.884	75.833.981.663
Chi phí nhân công	37.273.927.626	33.474.680.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.967.811.283	9.230.543.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.030.445.102	4.045.968.271
Chi phí khác	35.159.227.554	28.714.574.191
	220.466.103.449	151.299.747.958

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.283.906.496	3.085.789.503
Cổ tức, lợi nhuận được chia	513.657.184	6.954.249.812
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	6.902.903.532
	17.797.563.680	16.942.942.847

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	808.627.538	9.027.216.617
Chi phí tài chính khác	3.387.705	3.433.842.809
	812.015.243	12.461.059.426

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.637.065.320	8.907.267.886
Lợi nhuận trước thuế của hoạt động chuyển nhượng dự	6.051.490.752	-
Lợi nhuận trước thuế của hoạt động sản xuất kinh	7.585.574.568	8.907.267.886
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cổ tức được chia	(513.657.184)	(1.217.355.199)
Cổ tức được chia tạm tính	-	(5.736.894.613)
Chuyển lỗ từ các năm trước sang	(7.071.917.384)	(1.953.018.074)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.051.490.752	-
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.512.872.688	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.512.872.688	-

Trong năm, Tổng Công ty xác định lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Thành viên

	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng thành viên	1.601.149.091

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG

Số 268, đường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

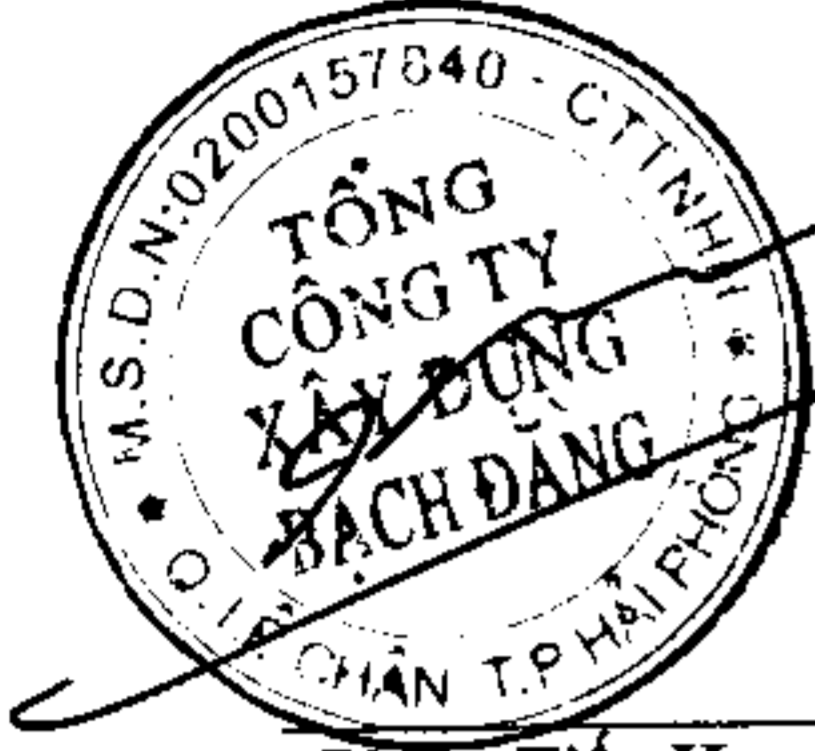
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.



Phạm Tiến Hưng
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 04 năm 2013

Lương Thị Thủy
Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hiền
Người lập